

LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 21

Phẩm 3: NÓI VỀ DUYÊN KHỞI (PHẦN 1)

Đã dựa vào ba cõi để nói về được tâm v.v... Nay nên tư duy, lựa chọn.

Ba cõi là gì? Điều ở trong đó có bao nhiêu chỗ riêng? Tụng nói:

*Địa ngục, bàng sinh, quý
Người và sáu trời dục
Gọi cõi Dục hai mươi
Do địa ngục châu khác.
Mười bảy xứ trên đây
Gọi cõi Sắc ở giữa
Ba Tịnh lự đều ba
Tịnh lự thứ tư, tám.
Vô sắc không có xứ
Do sinh có bốn thứ
Dựa đồng phần và mạng
Khiến tâm nối tiếp nhau.*

Luận nói: Bốn cõi dưới hoàn toàn là Na-lạc-ca v.v... và một phần trời, quyển thuộc và khí thế gian, gọi chung là cõi Dục. Một phần trời, nghĩa là sáu tầng trời cõi Dục:

1. Chúng trời Bốn đại vương.
2. Trời Ba mươi ba.
3. Trời Dạ-ma.
4. Trời Đổ sử đa.
5. Trời Lạc biến hóa.
6. Trời Tha hóa tự tại.

Như thế, cõi Dục như địa ngục v.v... khí thế gian, gồm có mười xứ. Châu, địa ngục khác, được chia làm hai mươi: Tám đại địa ngục, gọi

địa ngục khác:

1. Địa ngục Đẳng hoạt.
2. Địa ngục Hắc thành.
3. Địa ngục Chúng hợp.
4. Địa ngục Hào kiếu.
5. Địa ngục Đại kiếu.
6. Địa ngục Viêm nhiệt.
7. Địa ngục Đại nhiệt.
8. Địa ngục Vô gián.

Nói châu khác. Là bốn châu lớn:

1. Châu Thiệm-Bộ ở phía Nam.
2. Châu Thắng Thân ở phía Đông.
3. Châu Ngưu Hóa ở phía Tây.
4. Châu Câu Lô ở phía Bắc

Như thế, mười hai và sáu tầng trời cõi Dục, xứ bàng sinh, ngã quý, thành hai mươi:

Nếu cõi hữu tình từ trời Tự tại, đến ngục vô gián và khí thế giới, cho đến phong luân, đều thuộc cõi Dục.

Đã nói cõi Dục và xứ không đồng. Trên cõi Dục này, xứ có mười bảy, nghĩa là xứ ba Tịnh lự, mỗi xứ đều có ba, xứ Tịnh lự thứ tư, có riêng tám, khí và hữu tình, gọi chung Cõi Sắc.

Xứ Tịnh lự thứ nhất có ba:

1. Trời Phạm chúng.
2. Trời Phạm phụ.
3. Trời Đại phạm.

Xứ Tịnh lự thứ hai có ba:

1. Trời Thiếu quang.
2. Vô lượng quang.
3. Trời Cực quang tịnh.

Xứ Tịnh lự thứ ba có ba:

1. Trời Thiếu tịnh.
2. Trời Vô lượng tịnh.
3. Trời Biến tịnh.

Xứ Tịnh lự thứ tư có tám:

1. Trời Vô vân.
2. Trời Phước sinh.
3. Trời Quảng quả.

Và năm xứ Tịnh cư hợp thành tám. Năm Tịnh cư là:

1. Trời Vô phiến.
2. Trời Vô nhiệt.
3. Trời hiện.
4. Trời kiến.
5. Trời Sắc cứu cánh.

Vì được sinh do rộng lớn, nên gọi là Phạm. Phạm này tức là Đại, nên gọi là Đại phạm. Do vị trời ấy đạt được định trung gian, vì sinh đầu tiên, vì mất sau cùng, vì oai đức đều vượt hơn, nên gọi là Đại. Vì Đại Phạm hiện có thống lãnh tất cả hữu tình được hóa độ, nên gọi là Phạm chúng. Ở trước Đại phạm, vì hàng thứ lớp thị vệ, nên gọi là Phạm phụ.

Hào quang kém nhất trong các tầng trời Tự địa, nên gọi là Thiếu quang. Vì hào quang càng sáng, hơn khó lường, nên gọi Vô lượng quang.

Vì ánh sáng tịnh chiếu khắp xứ, địa mình, nên gọi Cực quang tịnh. Ý địa thọ hưởng thú vui, mới gọi là tịnh, ở trong tự địa, tịnh yếu kém nhất, nên gọi Thiếu tịnh. Tịnh này càng tăng, vì lượng khó đo lường, nên gọi Vô lượng tịnh. Vì tịnh này cùng khắp, nên gọi Biến tịnh. Ý nói không có thú vui nào vượt hơn Biến tịnh này.

Do trở xuống, nơi cư trú của các tầng trời trong không, vì như mây dày hợp, nên gọi Vân.

Các tầng trời trên đây, lại là địa không có mây. Vì đứng đầu Vô vân, nên nói Vô vân, lại có nơi chốn của phước vượt hơn của phàm phu, vì có thể sinh qua đó nên nói tên Phước sinh. Cư trú ở nơi chốn trong quả Phạm phu, vì phước này rất thù thắng, nên gọi Quảng quả.

Các bậc Thánh lìa dục, dùng nước Thánh đạo để rửa vết như phiến nã, nên gọi là Tịnh. Vì thân tịnh đã dừng lại, nên gọi là Tịnh cư. Hoặc trụ ở đây, cùng cực biên sinh tử, như vì trả hết nợ, nên gọi là Tịnh. Tịnh, nghĩa là chỗ ở, nên gọi Tịnh cư, hoặc trong các tầng trời này, không có lẫn lộn phàm phu, vì địa chỉ thuần túy Thánh, nên gọi là Tịnh cư. Phôn (Phiến), nghĩa là xen lẫn nhiều, hoặc cho rộng nhiều, vì đầu tiên này trong không có xen lẫn nhiều, nên trong trời rộng nhiều, trời này rất thua kém, nên gọi là Vô phiến. Hoặc gọi Vô Cầu, vì không mong cầu hưởng vào cõi Vô sắc.

Đã khéo chế phục, dứt trừ chướng phẩm trung thượng xen lẫn, Tĩnh lự, ý lạc điều hòa nhu thuận, lìa các nóng bức, nên gọi là Vô nhiệt. Hoặc khiến sinh phiến nã phẩm hạ, gọi là Nhiệt. Sự xa lìa đầu tiên này, được gọi là vô nhiệt. Hoặc lại nhiệt, nghĩa là sáng rõ, tức tu Tĩnh lự phẩm thượng và quả, vì sự tu này vẫn chưa chứng, nên gọi Vô nhiệt.

Đã được tu tập Tĩnh lực phẩm thượng, vì quả đức dễ phô bày, nên gọi là thiện hiện.

Tu xen lẫn chướng định, phẩm khác đến vi tế, vì kiến giải rất trong suốt, nên gọi kiến.

Lại Vô hữu xứ, ở trong hữu sắc, có thể vượt qua nơi đây, gọi là Sắc Cứu Cánh. Hoặc trời này đã đến bờ mé sau cùng của thân, chỗ dựa của các khổ, gọi là Sắc cứu cánh.

Có thuyết nói: Sắc là sắc chứa nhóm, đến bờ mé sau kia, gọi là Sắc cứu cánh. Mười bảy xứ này, các khí thế gian và các hữu tình, gọi chung là cõi Sắc.

Có thuyết khác nói: Tên gọi là mười bảy xứ mà trong sơ Tĩnh lực lập chung hai xứ, Tĩnh lực thứ tư gọi riêng là Vô tưởng.

Sư kia nên nói: Xứ có mười tám. Do Đại phạm kia đối với trời Phạm phụ thiên, lượng tuổi thọ, lượng thân, không có tìm tòi, thọ hưởng v.v... đều có khác.

Há không là Vô tưởng đối với Trời Quảng quả, chỉ vì phạm phụ v.v... có khác nhau?

Thuyết trước cũng nên nói xứ có mười tám.

Vấn nạn này phi lý, vì sinh lên cõi trời Vô tưởng, tức trời Quảng quả, vì lệ thuộc quả nghiệp.

Nếu vậy, sinh thân mà Đại phạm đã thọ cũng là vì quả nghiệp lệ thuộc với trời Phạm phụ, thành thử không nên nói riêng là một Thiên xứ, tức nghiệp lệ thuộc phẩm thượng của trời Phạm phụ, chiêu cảm quả Đại phạm. Nghiệp của Đại Phạm này so với Phạm phụ kia, vì ít có khác nhau, nên chiêu cảm thọ bình đẳng, cũng có chút không đồng.

Nếu trời Đại Phạm so với Phạm phụ kia, số lượng tuổi thọ đều riêng bình đẳng, hợp thành một xứ, thì trời Thiểu Quang tuổi thọ bằng, tuy khác, nên hợp thành một xứ, thành lỗi lớn.

Sự so sánh này không đúng, vì Đại Phạm một, phải căn cứ vào đồng phần, để lập danh từ Thiên xứ, chứ chẳng phải một vua phạm có thể gọi đồng phần. Mặc dù lượng tuổi thọ bình đẳng, nhưng không đồng với cái khác. Tuy nhiên, do một thân, không thành đồng phần, nên hợp với Phạm phụ, lập một trời cao, thấp dù khác nhưng địa không khác.

Trời Thiểu Quang vì trái với Đại Phạm này, do đó sư kia không nên dẫn làm ví dụ.

Ở Cõi Sắc, Thượng tọa bộ lập mười tám tầng trời, nên nói rằng: Tu các Tĩnh lực, mỗi Tĩnh lực đều có ba phẩm, là thượng, trung, hạ. Tùy theo nhân của ba phẩm, sinh ba xứ trời. Tĩnh lực thứ nhất, Đại Phạm

thiên vương, tự loại so sánh với nhau, được có đồng phần, với xứ Phạm Phụ, hơn, kém có khác, như bên thôn xóm, xứ A-luyện-nhã, mặc dù gần bên nhau, nhưng xứ không đồng.

Hữu tình vô tướng ở định thứ tư, làm xứ thứ tư, vì có khác với Trời Quảng quả, nên xứ trở thành mười tám.

Điều này không đúng, vì địa sơ Tĩnh lự, xứ nên có bốn. Hữu tình vô tướng, nên lia Quảng quả không lập riêng.

Nếu cho thuận theo tu ba phẩm Tĩnh lự, các xứ, địa Tĩnh lự đều có ba, vì tuổi thọ của Đại Phạm vương đều vượt hơn, nên phải khác với nhân hạ, trung, thượng của Sơ định, dùng riêng trung gian, vì nghiệp cảm của định vượt hơn, nên Đại Phạm khác với ba sơ định, bị chiêu cảm do nghiệp riêng, thành xứ thứ tư. Hoặc lẽ ra Đại Phạm không có nhân riêng. Hữu tình Vô Tướng và Quảng quả kia, so với số lượng thân thọ đều bình đẳng, vì không có khác nhau, nên không có nhân khác, vì xứ chẳng phải thứ tư, nên lập mười tám, về lý tất nhiên không thành.

Lại, nếu tất nhiên lẽ ra, Sắc cứu cánh với lượng tuổi thọ, lượng thân ba mươi hai ngàn, hoặc sáu mươi bốn, nhưng đều không thừa nhận. Cho nên, không thể căn cứ tu ba phẩm Tĩnh không đồng lập xứ có khác. Nhân dù có bốn, nhưng xứ chỉ lập ba, nhân chỉ có ba, nhưng xứ lập bốn.

Lại, sơ Tĩnh lự nếu xứ có ba thì Đại Phạm Vương so với xứ Phạm phụ, cao, rộng, cách xa, như trời trên dưới, nên cũng lượng thân, tuổi thọ cũng tăng gấp bội, nghĩa là tất cả kiến lập không thành. Nhưng trời Phạm chúng, với lượng tuổi thọ là nửa kiếp, lượng thân cũng có nửa du-na, đến Đại phạm thiên, với lượng thân đều một du-na rưỡi. Nếu lập xứ Đại phạm làm thứ ba thì tuổi thọ với lượng thân tăng đến hai, tức là trở lên, lẽ ra đều tăng gấp bội, các đối tượng kiến lập đều không thành tựu.

Cho nên, các đại luận sư ở nước Ca-thấp-di-la đều nói chỗ cư trú của Đại Phạm vương, tức xứ Phạm phụ. Do đó, nên xứ cõi Sắc chỉ mười sáu.

Đã nói như thế, khéo thuận với Khế kinh. Trong bảy thức trụ, chỉ nêu biên, nên như Cực quang tịnh và Biến tịnh.

Nếu cho không đúng, thì Khế kinh nên nói: Như xứ Đại phạm chẳng phải trời Phạm chúng.

Hữu tình Vô Tướng so với xứ Quảng quả, về tuổi thọ bình đẳng, không khác, sao lại lập riêng?

Sư kia lại nói: Tĩnh lự thứ nhất chẳng phải không có tuổi thọ bình

đẳng, kiến lập khác nhau, vì ba tầng trời kia cứ tăng phân nửa.

Nếu vậy, Đại phạm lẽ ra cũng tăng gấp bội, cho nên sự kiến lập các tầng trời trên đều bỏ, không có lỗi này. Vì thừa nhận trời Thiểu quang so với trời Đại phạm, cũng tăng phân nửa. Việc này chỉ chấp giả đối, chưa thấy trời sắc xứ riêng sẽ cực thành, vì có một nửa tầng, lại làm hư hoại chánh lý. Vì sao? Vì đã thừa nhận căn cứ tu ba phẩm Tĩnh lự, được quả ba phẩm, kiến lập ba vị trời. Trong lý nào, trời ở giữa tăng gấp bội so với xứ dưới, nhưng ở xứ trên của trời này lại vượt hơn một nửa ở giữa? Nên lời sư kia đã nói, chỉ dựa vào chấp giả đối. Cho nên, kiến lập chư thiên Cõi Sắc, chỉ sư của nước ta đã nói không có lộn xộn.

Đã nói Cõi Sắc và xứ không đồng. Trong cõi Vô sắc đều không có xứ, vì không có sắc pháp, không có phương sở, Vô sắc vô biểu quá khứ vị lai, không trụ ở phương sở, về lý vì quyết định rõ, nên chỉ dị thực sinh khác nhau hơn kém, nói có bốn thứ:

1. Không vô biên xứ.
2. Thức vô biên xứ.
3. Vô sở hữu xứ.
4. Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Bốn thứ như thế, gọi là cõi Vô sắc. Bốn thứ này chẳng phải do có xứ trên, dưới, chỉ do sinh, nên hơn, kém có khác. Lại, làm sao biết Vô sắc kia không có phương xứ, nghĩa là ở xứ này người được định kia, qua đời liền sinh ở xứ này. Lại, từ khi chỗ kia mất, sinh giới dục sắc, tức vì có khởi ở trong xứ này, vì trung hữu khởi, nên tuy do sinh, bốn thứ không đồng, mà không có sự khác nhau về phương xứ trên, dưới. Bốn thứ vì sao thứ lớp như thế. Do lia dục dần, vì được định dần. Hoặc tức do sinh thứ lớp như thế. Tùy theo sức của nhân sinh, quả ít, nhiều, như giới hữu sắc. Tất cả hữu tình chủ yếu dựa vào sắc thân, tâm v.v... nối tiếp nhau, hữu tình thọ sinh ở cõi Vô sắc, lấy gì làm nương tựa? Tâm v.v... nối tiếp nhau. Vì sao ở cõi Vô sắc này, bỗng nhiên lại sinh nghi. Vì trong các pháp đều không có ngã, pháp tâm, tâm ở trong dục, cõi Sắc, nương tựa vào sắc thân, có thể chuyển biến nối tiếp nhau. Ở cõi Vô sắc đã không có sắc thân. Tâm v.v... nên không có nghĩa chuyển biến nối tiếp nhau. Nên, hiện nay, ở đây có thể lại sinh nghi, phải biết hữu tình kia đã dựa vào đồng phần và mạng. Sự nối tiếp nhau của tâm v.v... không phải ngã làm chỗ nương tựa và tiếng như là thấu nhiếp bất tương ưng hành khác, nghĩa là đặc, phi đặc và sinh v.v... không phải ở trong sự sinh v.v... này, biểu thị đồng phần v.v... thật có tự thể, vì trước đã thành, nên chỉ biểu thị tác dụng của đồng phần kia, nghĩa là chủ thể

làm duyên. Duyên, là chủ thể nương tựa, làm cho tâm v.v... nối tiếp. Bốn thức như nhãn thức v.v... mỗi thức đều dùng ý diệt vô gián và tự sắc căn, làm chỗ dựa cho ý và làm tánh của chủ thể nương tựa, do đại chủng, chỗ dựa của tự sắc căn. Thân căn và đại, đồng phần, mạng căn, đắc v.v... sinh v.v... chỉ làm tánh nương tựa. Thân thức, tức dùng ý và thân căn, làm chỗ dựa của thân thức kia và làm tánh. Chủ thể nương tựa. Chỉ vì đại chủng, đối tượng nương tựa của thân căn, đồng phần, mạng căn. Đắc v.v... sinh v.v... làm tánh của chủ thể nương tựa kia, chẳng phải làm chỗ dựa. Ý thức chỉ dùng vô gián diệt ý để làm chỗ dựa của ý, và làm tánh của chủ thể nương tựa, thân căn và đại, đồng phần, mạng căn, đắc v, v..., sinh v.v... chỉ làm tánh của chủ thể nương tựa. Tâm v.v... của hữu tình dục, cõi Sắc như thế, dựa vào sự nối tiếp nhau của đồng phần sắc, mạng v.v... hữu tình Vô sắc vì dùng Vô sắc, nên chỉ dựa vào đồng phần và mạng căn v.v... sự nối tiếp nhau của tâm v.v... chẳng phải không có chủ thể nương tựa. Chủ thể nương tựa và chỗ dựa, hai tướng đâu có khác nhau.

Nay, giải thích rõ ý thú của tông, hai tướng khác nhau, nghĩa là phải do kia có đây mới được sanh, không có thì không sinh, là vì tướng nương tựa nhất định có tướng nương tựa kia và tùy theo biến chuyển: Đây là làm chủ thể tựa và tướng của chỗ nương tựa.

Há không là dù có đồng phần của sắc v.v... mà hoặc có lúc tâm v.v... không nối tiếp, làm sao nói sự nối tiếp kia làm chủ thể nương tựa của tâm v.v...

Lời vấn nạn này không đúng, vì có pháp riêng có thể trái với tâm v.v... vì khiến không nối tiếp nhau, nên phần vị nối tiếp của tâm tất nhiên vì có chủ thể nương tựa, nên chủ thể đó được làm tướng nương tựa của tâm v.v... Hiện thấy tâm v.v... ở trong thân chết cuối, không bao giờ sinh. Pháp tâm, tâm sở ở trong sinh thân, vì quyết định sẽ khởi, nên sắc kia v.v... dựa vào tướng cực thành.

Do đó nên biết sắc, thanh, hương v.v... đối với tâm, tâm sở, không thể làm chủ thể nương tựa, vì trong sự ngoài có sắc, thanh v.v... nhưng vì tâm, tâm sở không hề chuyển biến, nhưng chỗ dựa trước kia, lẽ ra chẳng phải có khắp, chẳng phải các tâm v.v... đều tùy theo chỗ dựa mà chuyển biến, nên tâm v.v... không tùy theo ý diệt vô gián, nhất định có chuyển biến.

Sao có thể nói ý căn kia làm chỗ dựa, tâm v.v... nhất định tùy theo sự chuyển biến của ý căn. Nói về tùy theo biến đổi, nghĩa là khiến đổi dời. Vô gián diệt ý, vào lúc đang diệt, khiến tâm sau v.v..., nhập phần

vị chánh sinh, ý căn đã diệt, tâm v.v... đã sinh.

Như thế, tức sau trở thành tùy theo trước mà biến đổi, không phải đồng phần v.v... làm chủ thể nương tựa cho tâm v.v... các căn như nhãn căn v.v... vì ý diệt vô gián, nên tướng chỗ dựa khác nhau với tướng chủ thể nương tựa, khắp các chỗ dựa không có lỗi xen lộn nhau.

Cũng thế, tâm các hữu tình, cõi Dục, cõi Sắc bốn uẩn cùng sinh đều làm tánh chủ thể nương tựa, chỉ một sắc uẩn, được làm chỗ dựa, sở nương tựa của ý thức lẽ ra cũng gồm sắc, vì tùy theo sắc biến đổi, nên hiện thấy đại chủng như rượu v.v... khi xúc não, tâm bèn đổi thay, không chấp nhận ý thức, sắc làm chỗ dựa.

Nói về thành chỗ dựa, nhất định chủ thể sinh biến đổi, ý thức không nhất định tùy theo đại biến đổi mà sinh. Nếu đại chủng không có, thì ý thức này cũng có, do đại chủng này đối với ý thức, chỉ có thể trở thành chủ thể nương tựa, chẳng phải tánh nương dựa.

Cho nên, sáu thức trong cõi Dục, cõi Sắc dùng bốn uẩn làm tánh chủ thể nương tựa câu sinh, ý thức Vô sắc, không còn sắc nương tựa, nương tựa câu sinh kia, chỉ chung cho ba uẩn.

Nếu vậy, vì sao chỉ nói tâm Vô sắc v.v... dựa vào ở đồng phần và mạng.

Thuyết này nhất định đồng, vì nương tựa không có rối loạn, nghĩa là tâm, tâm sở, dù làm chủ thể nương tựa lẫn nhau, mà không nhất định đồng, không tự nương tựa, cũng chẳng phải không có rối loạn. Sinh ở địa này, vì khởi loạn tâm, tâm sở của địa mình, địa khác, nên đồng phần, và mạng, đồng làm cho nương tựa cho tâm v.v...

Lại, sinh ở địa này, vì chỉ có địa này, dựa vào địa này, nếu khởi tâm của địa không đồng. Do sự trở lại này, khiến tâm của địa mình khởi, chỉ dựa vào hai loại ấy (đồng phần và mạng căn), gọi là sinh ở địa này, do nghiệp sinh dẫn dắt, vì không có gián đoạn, nên do đó nói là đồng với chủ thể nương tựa không rối loạn. Vì tâm v.v... không như vậy, nên lược qua không thuyết minh. Nếu không có hai loại này thì bốn uẩn của địa khác khi hiện ở trước, bấy giờ, hữu tình lẽ ra được gọi là địa khác, không thuộc về địa này, vì nghiệp trước của địa mình đã dẫn dắt đến quả, không nối tiếp nhau, nhưng không nên thừa nhận.

Cho nên, phải biết, như giới dục, cõi Sắc, đồng phần thân, mạng căn làm chỗ nương tựa cho tâm v.v... Mặc dù hoặc đôi khi tâm của địa khác khởi, nhưng dựa vào thân v.v... ở trong sự sinh này, định sau sẽ dẫn phát tâm của địa mình khởi. Như thế, cõi Vô sắc dù không có thân, nhưng tâm v.v... quyết định dựa vào đồng phần và mạng, nên bài tụng

nói riêng về đồng phần và mạng căn. Đây là dị thực của dẫn nghiệp lôi kéo, là nhân trụ của dị thực khác nối tiếp nhau. Ví như rễ, cộng v.v... của cây nường tựa, trụ vững, hiện thấy các cành, lá, cộng v.v... của cây, dù đồng với hạt giống sinh, nhưng dựa vào rễ để trụ. Cho nên, không nên cho, nhân căn v.v... chỉ dựa vào nghiệp, trụ vững, không có chủ thể nường tựa riêng. Do đó, đã giải thích: Sinh giới Vô sắc, nghiệp sinh tâm v.v... vì phải nường tựa riêng nhân, nên trong luận này đã không nói rằng: Tâm chuyển tức dùng pháp tương ưng làm chủ thể nường tựa, tức do đắc, phi đắc v.v... của thân này. Và tiếng, được biểu thị chung, không nói danh riêng, nghĩa là tâm kia không phải chỉ nghiệp sinh ra, giả như nghiệp sinh không phải thường nối tiếp. Làm sao pháp kia làm chỗ nường tựa của tâm? Nghĩa là pháp đồng phần, mạng căn kia nếu không có, thì tâm v.v... của địa mình, tất nhiên không sinh, cũng như thân v.v... Hoặc do pháp đó là nhân không có rối loạn, nên chẳng phải sinh địa trên, thành tựu của địa dưới. Lại, vì không có trở thành tánh v.v... phạm phu của địa khác, nên đồng phần, mạng căn kia làm tánh nường tựa, lý đó cực thành.

Có sư khác nói: Như trong hầm, hào v.v... dù không có gió v.v... nhưng ngọn lửa đèn vẫn không cháy được. Nếu pháp đồng phần, mạng căn kia không có thì tâm v.v... sẽ không khởi, nên biết được tâm v.v... đã dùng pháp đó làm chủ thể nường tựa.

Hoặc có học trò nêu lời vặn hỏi rằng: Bất tương ưng hành lẽ ra như sắc thân cũng có thể làm chỗ dựa sinh ra ý thức v.v... nên chỉ vì nói bất tương ưng hành làm chủ thể nường tựa của tâm v.v... chẳng phải bốn uẩn cấu sinh của cõi Vô sắc không có nghĩa nường tựa nhau. Nhưng trong đây, tâm và thọ v.v... làm tánh của đối tượng nường tựa, chẳng phải thọ v.v... kia làm đối tượng nường tựa của tâm, vì chẳng phải chỗ tùy theo, nên chủ yếu là khi tâm hiểu rõ chung tướng cảnh giới, thì thọ v.v... mới có thể nhận lấy tướng sai khác, nên thọ kia tùy theo tâm, chứ chẳng phải tâm tùy theo thọ kia, nhưng tâm, tâm sở gọi nường tựa, lẫn nhau tùy chuyển lẫn nhau, vì đồng một quả.

Vì sao không nói hai loại này làm chỗ nường trong cõi Dục, cõi Sắc, tâm v.v... nối tiếp nhau, mà chỉ nói tâm kia nường tựa ở sắc thân? Đồng phần, thân v.v... trong dục, cõi Sắc dù thường nối tiếp nhau, nhưng đều có khả năng làm chủ thể nường tựa, mà vì thân thô hiện rõ, cho nên nói nghiêng về một bên. Hoặc vì thành lập đồng phần, mạng căn, là thân có riêng, nên nói rằng: Không phải ở Vô sắc, hoặc trong địa khác, vì nghiệp sinh tâm v.v... thường hiện ở trước. Hoặc chỉ rõ đồng phần và

mạng căn v.v... cũng dựa vào thân chuyển, nên nói rằng: Mặc dù đồng phần, mạng căn kia nương dựa lẫn nhau với thân, nhưng vì thân vượt hơn, nên nói làm chỗ nương dựa riêng.

Há không là mạng căn làm tánh nương tựa của thân, cũng là thù thắng? Nếu mạng căn không có thì các pháp như thân căn v.v... đều không chuyển biến. Mặc dù không có mạng căn, pháp của thân căn kia đều không chuyển biến, nhưng thân lại gặp phải nhiều duyên tai nạn ngang trái v.v... Mạng v.v... tùy theo thân cũng có tổn ích, nên thân làm chỗ dựa cho pháp đồng phần, mạng căn kia vượt hơn, tức do nghĩa này. Các sư Đối Pháp nói: Trong Vô sắc, vì không có thân, nên đồng phần, mạng căn v.v... lại làm chỗ dựa lẫn nhau.

Kinh chủ trong đây giả làm khách, chủ, tặng làm nghĩa chánh, vấn nạn rằng: Nếu vậy, tâm v.v... hữu tình có sắc, tại sao không chỉ dựa vào sự nối tiếp nhau của hai loại này? Nghĩa là pháp Đối pháp giải thích: Sinh giới hữu sắc, vì hai loại này yếu kém. Hai loại này ở Vô sắc vì sao lại mạnh?

Vì hai cõi kia đều từ định thù thắng, sanh ra nên do đẳng chí kia có công năng chế phục tướng sắc.

Nếu vậy, đối với hai loại kia, sự nối tiếp của tâm v.v... chỉ dựa vào định thù thắng đâu dùng chủ thể nương tựa riêng?

Lại, nay nên nói: Như đồng phần, mạng căn chúng sinh hữu tình thọ ở cõi có sắc, dựa vào sắc mà chuyển, hai loại này Vô sắc, lấy gì làm chỗ nương tựa?

Hai loại này lại nương tựa lẫn nhau mà chuyển.

Hai loại này của hữu sắc, sao không nương tựa nhau?

Sinh giới hữu sắc vì hai loại này yếu kém. Hai loại này ở Vô sắc, vì sao lại mạnh?

Hai loại này của giới kiavi từ định vượt hơn sinh, nên ở trước nói định kia có công năng hàng phục tướng sắc, tức là lại đồng với vấn nạn nối tiếp nhau của tâm. Tâm, tâm sở chỉ nương tựa lẫn nhau.

Kinh chủ nhất định không bảm thọ đối với A-tỳ-đạt-ma, đã thuật lầm lời nói này. Hoặc do tâm mình chán ghét Đối pháp, giả nói rằng: Lầm lạc chánh tông, ai là người khéo thông suốt tướng các pháp, sẽ trả lời những câu hỏi như thế?

Người tự lập tông cho rằng: Trạng thái nối tiếp nhau của tâm v.v... trong cõi Vô sắc, không có chủ thể nương tựa riêng, nghĩa là nếu có nhân chưa lìa ái sắc, dẫn khởi tâm v.v... tâm được dẫn đều sinh với sắc, dựa vào sắc mà chuyển. Nếu nhân ở sắc đã được lìa ái, chán trái với

sắc nên dẫn tâm v.v... đều sinh với chẳng phải sắc, không dựa vào sắc chuyển. Điều này cũng phi lý, vì nếu do sức của nhân dẫn khiến cho tâm v.v... kia nối tiếp nhau chuyển, thì và tâm nhiễm, tâm v.v... của phần vị hiện ở trước nối tiếp nhau, lẽ ra không có chỗ dựa.

Lại, như hữu tình ở cõi Dục cõi Sắc, vì sức của nhân dẫn, nên tâm v.v... nối tiếp nhau cùng sinh với sắc, dựa vào sắc mà chuyển. Hữu tình như thế do sức của nhân dẫn sinh, ở cõi Vô sắc, tâm v.v... nối tiếp nhau, với chúng đồng phần, mạng căn cùng sinh, không dựa vào sắc, chỉ dựa vào đồng phần, mạng căn mà chuyển.

Đã thừa nhận tâm v.v... của hữu tình cõi Dục, cõi Sắc, không dựa vào sắc thân, nhất định sẽ không có nghĩa chuyển, nhân nơi tâm v.v... của hữu tình ở Vô sắc đều không có đối tượng nương tựa mà có nghĩa chuyển.

Lại, sự kia hiện nay đang thừa nhận tâm v.v... nối tiếp nhau trong dục, cõi Sắc, dù là một quả nghiệp mà tất nhiên dựa vào tâm v.v... khác mới chuyển, ở cõi Vô sắc đâu không thừa nhận như thế?

Lại, không nên nói chỉ có đối với sắc chưa lìa nhân ái, đã dẫn tâm v.v... dựa vào sắc mà chuyển. Hiện có hữu tình đối với sắc đã lìa nhân ái, đã dẫn tâm v.v... cùng sinh với sắc, dựa vào sắc mà chuyển, sinh dục, cõi Sắc, sắc ái đã trừ, vì tâm cõi Vô sắc hiện ở trước, hữu tình kia dù tâm Vô sắc hiện ở trước, mà hữu tình đó không được gọi Vô sắc, vì chưa lìa nhân quả của ái sắc làm chỗ dựa, vì tâm Vô sắc này nối tiếp nhau chuyển, nên giới dưới hiện khởi ở tâm cõi Vô sắc đã có chủ thể nương tựa riêng, cõi trên cũng nên thế.

Lại, sinh Vô sắc khởi tâm của địa khác, hoặc khởi vô lậu, nếu không có một ít pháp của địa mình làm chủ thể nương tựa tâm nối tiếp nhau, thì phải nói đây là hữu tình của địa nào?

Như thế, tìm tòi, gạn hỏi, trước đã thường nói, cho nên, Kinh chủ nêu kiến giải giải không được tốt! Trong vấn đề này, Thượng tọa bộ nói tâm cõi Vô sắc và tâm sở lại nương tựa lẫn nhau, như hai bó cỏ tranh nương tựa nhau mà đứng. Hoặc danh sắc của cõi dưới nương tựa với nhau. Lẽ ra nên vặn hỏi sự kia: Như cõi Dục, cõi Sắc dù gọi là bốn uẩn, lại nương tựa nhau mà thừa nhận danh kia nương tựa riêng sắc chuyển. Như thế, tâm sở Vô sắc và tâm, mặc dù nương dựa và nhau, nhưng lẽ ra phải thừa nhận có chỗ dựa riêng, được trụ nối tiếp nhau. Cho nên, trái với chánh lý của đối pháp, tất nhiên, không có khả năng chứng nghĩa chân thật. Như luận này đã nói: Thế nào là cõi Dục? Nghĩa là có các pháp dục tham tùy tăng, cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng giống như thế.

Vì chỉ nói lên các pháp hiện hành khắp ba cõi, không phải đều lệ thuộc ba cõi đó, nên nói rằng: Há không là các pháp chẳng phải tùy tăng phiến não của địa cõi khác nhau, lẽ ra nêu tất cả phiến não tùy tăng của tự cõi, rõ ràng khác nhau? Về lý, thật nên như thế, chỉ nói phần nhiều tùy miên rõ rệt riêng, vì phần nhiều các hữu tình hiện khởi tùy miên tham.

Nói dục tham. Nghĩa là tham cõi Dục, tham cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng giống như thế.

Lược nói về đoạn thực. Vì dâm dẫn đến tham, có thể đặt tên dục, như bài tụng của kinh nói:

*Cảnh đẹp thế gian chẳng chân dục
Chân Dục là người phân biệt tham
Cảnh diệu như gốc trụ thế gian
Trong đó, người Trí đoạn trừ dục.*

Vì chỉ rõ tham, dục, tên khác, mà thể đồng, nên nói tụng này. Cõi bị lệ thuộc dục, gọi là cõi Dục, cõi bị lệ thuộc sắc, gọi là cõi Sắc. Vì lược bỏ lời nói giữa, nên nói như thế, như uống hồ tiêu, như vòng kim cương, ở trong giới kia, vì sắc chẳng phải có, nên gọi là Vô sắc.

Nói sắc: Là nghĩa biến đổi, chướng ngại, hoặc nghĩa thị hiện. Thế kia chẳng phải sắc, đặt tên Vô sắc. Chẳng phải kinh kia chỉ dùng thể vô vi của sắc. Giới bị lệ thuộc Vô sắc, tên là cõi Vô sắc. Lược bỏ lời nói ở giữa, dụ như trước đã nói.

Lại, giới của dục, gọi là cõi Dục, cõi này có công năng gánh vác, gìn giữ dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc nên biết cũng như thế. Nếu cõi có sắc mà không có định, gọi là cõi Dục, nếu cõi có Sắc, cũng có định, gọi là cõi Sắc, nếu cõi không có sắc mà có định gọi là cõi Vô sắc. Hoặc cõi có sắc, có cảnh dục, gọi là cõi Dục, nếu cõi có sắc, không có cảnh dục, gọi là cõi Sắc, nếu cõi đều cùng không có, gọi là cõi Vô sắc. Hoặc cõi dù có dị thực năm uẩn, mà không có năm uẩn làm nhân Dị thực, đồng được một quả, gọi là cõi Dục, nếu cõi đều cùng có, gọi là cõi Sắc, nếu cõi đều cùng không có, là cõi Vô sắc. Hoặc cõi phần nhiều đủ tất cả sắc, gọi là cõi Dục, nếu cõi tất cả thiếu, giảm sắc, gọi là cõi Sắc, nếu cõi tất cả sắc pháp đều không có, gọi là cõi Vô sắc. Hoặc cõi có sắc, cũng có nhiều cõi, gọi là cõi Dục, nếu cõi có sắc mà không có nhiều cõi, gọi là cõi Sắc, nếu cõi không có sắc, cũng không có nhiều cõi, gọi là cõi Vô sắc.

Các cõi như thế, v.v... khác nhau, có vô lượng thứ, ba cõi là một vì lại có nhiều, ba cõi vô biên, như lượng hư không, nên mặc dù không có

hữu thì khởi hữu tình, vô lượng, vô biên Phật xuất hiện ở đời, mỗi mỗi hóa độ vô số hữu tình, khiến chứng giới vô dư bát Niết-bàn, mà không cùng tận, cũng như hư không.

Hỏi: Thế giới sẽ nói an trụ thế nào?

Đáp: Sẽ nói bàng sinh, nên Khế kinh nói: Ví như trời mưa, giọt nước mưa như cái trục xe không có gián cách, không có đứt đoạn, từ trên không rót xuống. Như thế, phương Đông không có gián cách, không có đứt đoạn, vô lượng thế giới hoặc hoại, hoặc thành. Như ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc cũng giống như thế, không nói phương trên, dưới.

Có thuyết nói: Cũng có hai phương trên, dưới, vì trong kinh bộ khác nói mười phương, nên trên Sắc cứu cánh, lại có cõi Dục, phía dưới cõi Dục có Sắc cứu cánh.

Như thế, thế giới lần lượt vô biên. Nếu khi có lia tham của một cõi, thì tất cả tham của ba cõi đều lia diệt, dựa vào sơ Tĩnh lự, lúc khởi tuệ thông, phát ra thần thông, chỉ có thể qua giới mình đã sinh, phạm thế chẳng phải cõi khác. Thông minh khác nên biết cũng vậy. Chớ có lỗi lầm thái quá đối với cảnh!

Đã nói ba cõi. Đường lại thế nào? Xứ nào có bao nhiêu thứ? Tụng nói:

Trong đó là địa ngục v.v...

Tự gọi là năm đường

Chỉ vô phú vô ký

Hữu tình không trung hữu.

Luận nói: Trong ba cõi, tùy theo sự thích ứng của ba cõi, nói có năm đường, như chính tự tên nó đã nói, nghĩa là trước đã nói: Địa ngục, bàng sinh, quỷ và người, trời, gọi là năm đường, chỉ ở cõi Dục có bốn đường hoàn toàn, ba cõi đều có một phần giới trời. Vì biểu thị có cõi không thuộc về đường, nên nói trong ba cõi có năm đường: nhiễm, vô ký, hữu tình, vô tình và trung hữu v.v... đều là tánh của đường. Thể của đường chỉ thâm nhiếp vô phú vô ký và với hữu tình mà chẳng phải trung hữu. Nói thể của đường chỉ thâm nhiếp vô phú vô ký, nghĩa là chỉ vì dị thực sinh làm thể của đường.

Do đó đã giải thích: Đường chỉ hữu tình. Trong vô tình vì không có dị thực sinh, nên trung hữu chẳng phải đường, về sau sẽ nói rộng.

Thể của đường chỉ thâm nhiếp vô phú vô ký. Có Thánh giáo nào có thể nhất định chứng biết?

Nghĩa là kinh Thất Hữu. Vả lại có thể làm chứng. Kinh nói bảy

hữu, là:

1. Địa ngục hữu.
2. Bàn sinh hữu.
3. Ngạ quỷ hữu.
4. Nhân hữu.
5. Thiên hữu.
6. Nghiệp hữu.
7. Trung hữu.

Nghiệp hữu trong đây là nhân của năm đường, là chọn lọc nhân khác của đường, cho nên nói riêng. Kinh này vì chỉ rõ thể của đường, chỉ thân nhiếp vô phú vô ký, nên chọn lọc nhân khác. Nhưng Kinh chủ nói: Vì chẳng phải nói riêng, nhất định không thuộc về đường kia, như phiền não với kiến trong năm trước, nói riêng là kiến trước, vì không phải nói riêng, là kiến kia nhất định chẳng phải thuộc về phiền não. Nghiệp hữu như thế dù cũng là đường, nhưng vì biểu thị nhân của ba cõi, cho nên nói riêng, vì thế có nói thể của đường gồm cả nhiếp.

Lời nói kia phi lý, vì không có chỗ nào nói. Có chỗ nói kiến cũng là phiền não, mặc dù có đối tượng nhân, nói riêng là trước, nhưng căn cứ theo thuyết khác thì biết, tức là phiền não, không hề có chỗ nào nói nghiệp nhân của các đường tức thể của đường, có thể làm chứng thật. Dù có đối tượng nhân, nói riêng là hữu, mà căn cứ ở thuyết kia nói biết nghiệp là đường, thì sao nhất định biết nghiệp là thể của đường? Là vì có đối tượng nhân, có nói riêng, mà chẳng phải nghiệp hữu? Thể chẳng phải là đường, vì biểu thị nhân của đường nói là nghiệp hữu. Cho nên, Kinh chủ dẫn dụ không thể chứng minh.

Lại, thuyết kia nói, có lỗi thái quá, nên chấp trung hữu cũng thuộc về đường. Nhưng thuyết kia giải thích: Vì không tương ứng với nghĩa của đường, vì trung gian của hai đường, nên gọi là Trung hữu. Nếu trung hữu này thuộc về đường thì không phải trung hữu.

Như thế đã giải thích, về sau lại nghiên cứu, tìm tòi. Vả lại, kinh Ngũ Trước, đối với chứng đắc không có sức, vì không hề có chỗ nào nói nghiệp là đường.

Đã thừa nhận Trung hữu, vì không tương ứng với nghĩa lý, nên chẳng phải là thể của đường, nghiệp lẽ ra cũng như thế, cũng vì không tương ứng với nghĩa lý, nên nhất định chẳng phải là thể của đường. Nếu nghiệp là thể của đường thì đường lẽ ra xen lẫn nhau, ở trong thân của một đường, vì có nghiệp của nhiều đường, nên nếu nghiệp nhân của đường, tức là đường, thì con người có hoặc nghiệp địa ngục hiện tiền,

nghiệp đó là người, cũng là địa ngục, cũng không nên nói thể của đường địa ngục, dù hiện ở trước, nhưng chẳng phải địa ngục.

Như thế thì sẽ có lỗi lầm thái quá, nghĩa là quả dị thực, đang hiện ở trước, nên chẳng phải địa ngục, vì không có khác nhau. Nhưng Khế kinh nói: Dị thực khởi xong, gọi Na-lạc-ca, nên nghiệp chẳng phải đường.

Lại, nghiệp là đường, trái với lý, cũng như Trung hữu, vì là nhân của đường, nên là đường chỗ được đi qua, Trung hữu không lẽ là xứ đã đi qua, do vì chủ thể đi qua này chính là chỗ được sinh, nên chẳng phải thuộc về đường.

Nghiệp hữu như thế, đã thừa nhận nhân của đường, chẳng phải chỗ hưởng đến, cũng chẳng phải thuộc về đường, vì thế, nên biết thể của đường chỉ thâm nhiếp vô phú vô ký, lý đó cực thành, chỉ dị thực sinh là thể của các đường.

Hỏi: Duyên nào chứng biết?

Đáp: Vì Khế kinh nói. Kinh nói: Xá-lợi-tử nói rằng: Nhân giả! Nếu vì có các lậu địa ngục hiện ở trước, nên tăng trưởng tạo tác, thuận với thọ nghiệp địa ngục, thân, ngữ, ý của người kia vì vẫn đực cong vạy, nên phải thọ nhận dị thực năm uẩn, dị thực khởi rồi, gọi Na-lạc-ca, trừ pháp năm uẩn, Na-lạc-ca kia đều không thể được.

Trong đây, đã nói: Trừ năm uẩn sắc v.v... dị thực sinh, không có địa ngục riêng, vì khi dị thực đã khởi rồi, gọi là Na-lạc-ca, nên biết được thể của đường chỉ là dị thực.

Mặc dù thuyết kia giải thích: Vì ngăn dứt thật có Bồ-đặc-già-la có khả năng đi qua các đường, nên nói rằng: Trừ pháp năm uẩn, Na-lạc-ca kia đều không thể được. Vì chẳng phải ngăn dứt uẩn khác, nên nói rằng: Nhưng tự tâm này chấp so đo giả dối. Kinh nói: Năm uẩn dị thực đã khởi xong, mới được gọi là Na-lạc-ca.

Lại nói: Trừ pháp uẩn dị thực này, Na-lạc-ca kia không thể được, nên chẳng phải lời nói pháp uẩn là nói tướng chung, nhân vì năm uẩn dị thực trước khởi, nên lời nói này có thể gồm ngăn ngừa thật có Bồ-đặc-già-la có thể đi qua các đường. Thừa nhận uẩn dị thực, là vì ngăn dứt chung khác.

Lại, thuyết kia nói dị thực khởi rồi, gọi là địa ngục. Nghĩa là nói khi dị thực khởi, mới gọi là địa ngục, chẳng phải nói dị thực chỉ là dị thực ở đây cũng tùy theo vọng tình tạo ra sự hiểu biết này, vì phần kế là có nói phân biệt, nghĩa là kế trừ pháp uẩn dị thực ở trước: Na-lạc-ca kia đều không thể được.

Nếu thể các đường chẳng phải chỉ dị thực, vì sao phải nói: Dị thực khởi rồi, mới gọi địa ngục.

Vì chẳng phải các uẩn dị thực của phần vị trước, trước khi chưa khởi, đã có địa ngục có thể chiêu cảm nghiệp hữu, chẳng phải lúc bấy giờ đã gọi địa ngục, nên biết địa ngục chỉ dị thực sinh, chẳng phải địa ngục kia có khả năng chiêu cảm nghiệp hữu. Ở trong phần vị dị thực đã khởi, chưa khởi, hiện hành thành tựu, ít có khác nhau. Cho nên, thể của đường chỉ là dị thực sinh, chẳng phải, nhiệm v.v... về lý cuối cũng được thành lập.

Có sư khác nói: Cũng có cả tánh nuôi lớn.

Điều đó trái với Khế kinh, không đáng căn cứ, tin tưởng.

Nói các lậu địa ngục hiện ở trước thì nên nói: Phiền não của địa ngục là gì? Mà nay lại nói vì các lậu của địa ngục không phải là phiền não của các đường như địa ngục v.v...?

Như địa lệ thuộc sơ định v.v... đều khác nhau, nhưng vì nghiệp của các đường nhất định có riêng, nên có thể khởi phiền não.

Như nghiệp mà nói, chẳng phải đường, thể chỉ có vô phú vô ký, ấy là trái với Túc Luận Phẩm Loại?

Luận ấy nói tất cả tùy miên của năm đường, được tùy tăng, nghĩa là luận kia căn cứ ở năm bộ, vì có thể sinh tâm, nên nói rằng: Cõi và lòng người, nói chung là cõi, không có lỗi trái nhau. Ví dụ như thôn xóm và bên thôn xóm, gọi chung thôn xóm.

Trung hữu chẳng phải đường, làm sao biết được?

Do lý Kinh, Luận là định lượng. Vả lại, do kinh, nghĩa là kinh Thất hữu, nói riêng năm đường, vì nhân phương tiện.

Nói do Luận, nghĩa là do luận Thi Thiết nói: Bốn sinh gồm nhiếp năm đường, chẳng phải năm đường thâm nhiếp bốn sinh. Không gồm nhiếp là sao? Nghĩa là Trung hữu. Luận Pháp Uẩn nói: Giới nhân thể nào? Nghĩa là tịnh sắc được tạo ra do bốn đại chủng, là nhãn, nhãn căn, nhãn xứ, nhãn giới, các đường địa ngục, bàng sinh, quý, người, trời, tu thành trung hữu.

Nói do Lý: Đường, là chỗ đi qua, Trung hữu không như vậy, như trước đã nói: Lại, Trung hữu kia tức là ở chỗ chết sinh, vì chẳng phải chỗ đi qua, cho nên chẳng phải thể của đường. Nhưng có vấn nạn: Nếu vậy, Vô sắc cũng chẳng phải đường, tức ở chỗ chết, vì thọ sinh?

Vấn nạn kia phi lý, vì các chỗ chết của Vô sắc, sinh ngay, không đi qua chỗ khác, nên là thể của đường. Mặc dù Trung hữu là chỗ chết tức sinh, nhưng vì đi qua chỗ khác, nên chẳng phải thể của đường.

Kinh chủ lại nói: Đã thế, Trung hữu, gọi là Trung hữu, vì thế không nên gọi là đường. Vì ở chính giữa hai đường, nên gọi Trung hữu.

Cách giải thích này không đúng, vì nhân không thành. Nếu thừa nhận Trung hữu chẳng phải đường cực thành, có thể nói: Vì giữa hai đường, nên gọi là Trung hữu, Trung hữu chẳng phải đường đã không cực thành, làm sao có thể nói vì ở giữa hai đường, nên gọi là Trung hữu! Nghĩa là nhân không thành. Giả như thừa nhận thể của đường là Trung hữu vì thuận với thọ nghiệp của hữu tình kia, nếu chưa lia tham thì nhất định ở giữa hai hữu tử, sinh khởi, nên gọi Trung hữu, không phải nói Trung hữu kia vì ở giữa hai đường, nên gọi là Trung hữu. Tuy nhiên, không có lỗi Bản hữu gọi là Trung hữu, ở trung gian sinh tử của địa trung hữu, vì chấp nhận hữu không khởi bản hữu, nghĩa là hoặc chấp nhận có sinh hữu vô gián, tử hữu hiện tiền, chẳng phải khởi bản hữu, tất nhiên, không chấp nhận có tử hữu ở địa trung hữu vô gián, sinh hữu hiện ở trước, nên danh từ Trung hữu không lạm dụng hữu khác. Mặc dù cũng có thuyết nói: Trong cõi Dục, cõi Sắc, chẳng phải nhất định tất cả đều có Trung hữu. Điều này ở trong nghĩa Trung hữu, sau sẽ được tư duy lựa chọn, vì sẽ lập hữu nhất định, phá bỏ thuyết chấp kia. Hoặc chấp nhận Trung hữu kia ở trung gian hai sinh của loại khác, khởi, nên gọi là Trung hữu, chẳng phải vì hữu trung gian ở hai đường. Bản hữu v.v... kia không có việc như thế.

Lại, Kinh chủ nói: Nếu Trung hữu này thuộc về đường, vì chẳng phải trung gian, thì tức là không nên gọi Trung hữu, cũng không đúng. Vì sao? Vì nếu là Trung hữu thuộc về đường, như trước đã giải thích, vì thành Trung hữu, Trung hữu không phải đường. Thuyết trước, về lý được thành, lời nói sau của Kinh chủ không thể làm chứng. Trong đây, Thượng tọa bộ nói như thế này: Nếu thừa nhận Trung hữu không thuộc về đường, thì Trung hữu đó lẽ ra phải nói, ngoài năm đường, có riêng công năng chiêu cảm nghiệp khởi của Trung hữu. Điều này không có lỗi, vì đã được thừa nhận, nghĩa là trong Tông của ta đã thừa nhận thể của năm cõi chỉ là vô ký, vì Trung hữu khởi nghiệp chỉ là bất, hữu lậu.

Do đó, phải biết, ngoài năm đường có riêng công năng chiêu cảm Trung hữu khởi nghiệp. Tuy nhiên, Trung hữu này, tức quả nghiệp của đường có thể chiêu cảm quả của các đường, nghĩa là nghiệp này tức phương tiện có thể chiêu cảm đi qua đường, phương tiện đi qua đường, tức gọi Trung hữu.

Như đồng với thừa nhận thì hóa, chẳng phải hóa sinh là quả của

một nghiệp. Như thế, lẽ ra thừa nhận đường không thuộc về đường là một nghiệp chiêu cảm Trung bát Niết-bàn, do đó được thành lập.

Thuận với thọ nghiệp nhất định, vì đã cho quả. Nếu nghiệp sinh hữu v.v... của quả nghiệp riêng, vì chưa cho quả, nên không thể sinh khởi, đoạn dứt hẳn kết khác, Thánh đạo hiện ở trước. Há sinh kết, vì hữu tình kia đã đoạn, nên có khả năng khởi Thánh đạo như thế hiện tiền, như Khế kinh nói: Nên biết Bồ-đặc-già-la như thế, đã đoạn kết sinh, chưa dứt kết khởi, nên không thành chứng.

Làm sao hai kết đồng trói buộc một địa, mà dứt trước, sau?

Vì không trái lý, nên phải tư duy, tìm tòi ý thu của kinh kia. Nay, đối với kinh này, cần nên xem xét, tư duy để lý, tìm tòi thấy Khế kinh kia có ý như thế, nghĩa là căn cứ ở hai đoạn để nói lời nói như thế này: Hai đoạn là gì?

1. Được đối trị đoạn dứt hẳn.
2. Được dứt hẳn không hành đoạn.

Đoạn đầu trong đây, nghĩa là khởi kết hoàn toàn, phần ít sinh kết. Đối với tham của cõi Sắc, được lìa hẳn, đối với tham cõi Sắc, vì chưa lìa hẳn. Nếu đoạn thứ hai, thì chỉ là sinh kết, ở dục, cõi Sắc, người chưa lìa tham, cả hai thời gian đều chấp nhận có khởi hiện hành kết, nghĩa là thời gian trụ ở bản hữu, phát mãn nghiệp và thời gian trụ ở Trung hữu, lúc Trung hữu nối tiếp, tạo dẫn nghiệp lôi kéo trong địa vị phạm phu, đã có thể chiêu cảm nghiệp này thích hợp với đối tượng thọ sinh. Với sức đối trị kết tham kia, vì chế phục nối tiếp nhau, nên biết rõ lỗi lầm sâu nặng của sinh hữu. Kết tham kia trụ trong bản hữu, không thể hiện khởi, có thể phát ra Kết nghiệp đầy đủ của sinh hữu, do đó rất ráo nghiệp kia không sinh. Trụ ở Trung hữu Kết kia không có hiện khởi chướng ngại Thánh đạo, chưa đến chỗ sinh bèn dứt trừ kết khác mà Bát Niết-bàn, do Thánh đạo kia không có chấp nhận kết sinh hữu, nên kết thứ hai không bao giờ hiện hành, vì trước đã được phi trách diệt kia. Do các đường này và trung hữu kia là một quả nghiệp, lý đó cực thành. Lại, tất nhiên như thế, trừ người ở Trung hữu bát Niết-bàn, vì không dừng lại Trung hữu, không đến sinh hữu mà qua đời.

Nếu quả nghiệp riêng, thì đồng với quả nghiệp khác nhau. Vì sao các hữu tình thọ Trung hữu, tất nhiên, lại đến sinh? Nếu hữu tình khác ở phần vị Trung hữu, nghiệp sinh hữu v.v... cũng cho quả, sao không đồng với trung bát kia, hữu tình chưa đến chỗ sinh, trung hữu chết? Sự so sánh này không bình đẳng, do quả Bát hoàn là Trung bát, nghĩa là tất cả kết sinh đều đã dứt, nên trái với sinh, vì đạo đối trị vượt hơn đã hiện

hành, nên thuận với thọ nghiệp kia, vì đã cho quả, nên không đến sinh hữu, bèn nhập Niết-bàn. Các hữu tình khác trụ ở Trung hữu, kết sinh chưa dứt, lại không trái với sự sinh, vì đạo đối trị vượt hơn, nên thuận với cảm thọ nghiệp kia, mặc dù đã cho quả, nhưng tất nhiên sẽ thọ dị thực sinh hữu. Dị thực các nghiệp vì thế lực mạnh mẽ, nhanh chóng. Nhưng Thượng tọa bộ kia với tuệ giác suy vi, ở trong không có lỗi, khởi vấn nạn giả dối về lỗi nói rằng: Nếu Trung hữu không thuộc về đường, thì Trung hữu đó nên nói ngoài năm cõi, có công năng chiêu cảm Trung hữu khởi nghiệp riêng. Người có trí thù thắng ở trong đó không nên thu lượm.

Như thế, giải thích chung về thể các đường rồi. Kế nên giải thích riêng mỗi tên đường, người tên Na-lạc-ca, dịch là ác, con người phần nhiều tạo ác, điên đảo, đọa lạc trong đó. Do đó, nên gọi đường Na-lạc-ca. Hoặc vì gần với con người, nên gọi Na-lạc-ca, người gây ra tội nặng, nhanh chóng đọa vào địa ngục kia. Hoặc Ca: là tên khác của vui. Na: là không có, Lạc là nghĩa cho, không có niềm vui cho nhau, gọi là Na-lạc-ca. Hoặc Lạc ca, là nghĩa cứu giúp, Na dịch là không thể, không thể cứu giúp, gọi Na-lạc-ca. Hoặc Lạc ca nghĩa là yêu thích, không đáng yêu thích, gọi là Na-lạc-ca.

Nói Bàn sinh. Nghĩa là đường kia phần nhiều đứng xương sống nằm ngang, hoặc trong đường kia chấp nhận vì có phần ít người đi một bên. Lại, vì nhiều loại, vì ngu si nhiều, nên gọi bàn sinh.

Nói ngạ quỷ. Nghĩa là trong Sinh khác, thích trộm vật của người, thói quen keo kiệt, tham lam v.v... Lại, phần nhiều trở lại là Tổ tông để được cúng tế. Lại, mong cầu để được giúp đỡ mình tồn tại. Lại, đa số yếu đuối, thấp kém, thân hình ốm o tiều tụy, vì thân tâm nhẹ, vội vã, nên gọi ngạ quỷ.

Người, nghĩa là khiến khởi mạn duyên trời: Ta là tôn quý trong đường lành giống với giới trời này. Hoặc tự tâm của người kia thường tăng thượng mạn, hoặc thường tư duy, lo lắng, nên gọi là người.

Trời, nghĩa là ánh sáng, với oai đức rất nhiều, dạo chơi, bàn luận, mạnh mẽ lấn át nhau. Hoặc lại tôn cao, thần dụng tự tại, được chúng kỳ vọng, nên gọi là trời.

Có người nói: A-tố-lạc và chúng chư thiên chống trái, tranh chấp với nhau nói: Họ vốn là trời oai đức thù thắng, do đó v.v... nên thuộc về đường trời, trong Đế hiện quán, vì không có khả năng, vì giống với phi nhân, vì phần nhiều cong vạy, đua nịnh, nhất định chẳng phải đường trời, là thuộc về đường quỷ thường tranh chấp, chống trái nhau v.v... với

chúng chư thiên, đều không phải chứng nhân, vì lý do không nhất định. Lại, tranh chấp chống trái, không phải chứng nhân của trời. Nghe nói có người cùng tranh chấp với La-sát. Lại, nghe La-sát chiến đấu với khỉ vượn. Vua Mạn-đà-la đánh phá A-tố-lạc như những việc này, loại đó rất nhiều. Nhưng vì trong các Trời có vị Tô-đà rất ngon, A-tố-lạc lại có gái đẹp dung mạo xinh xắn, do đó xâm lấn nhau, thường khởi chống đối, tranh chấp, vì không đồng đường, nên A-tố-lạc gọi là phi. Nói vì qua lại lẫn nhau, cũng không thành chứng. Hiện thấy những kẻ sang, hèn cũng qua lại với nhau, các người ham vui dục, trọng sắc chẳng trọng dòng họ. Nghe nói vua Đại Thọ Khẩn-na-la có con gái xinh đẹp, tên là Đoạt Ý. Bồ-tát Tài nhận làm vợ, cô ta nói vốn là trời, cũng không thành chứng. Như là Trời Đế thích khen cha vợ rằng: Các lời khen tốt, hoặc thật, chẳng phải thật, lại vì lập chi, nên giả vờ khen cha mình, yêu dua nịnh, phát ngôn, Há đủ làm chứng?

Lại, A-tố-lạc kia vốn ở trên đỉnh núi Diệu Cao, bị trời bắt chẹt phải lúi xuống đến ở dưới chân núi, nói vốn là trời, cũng không có lỗi.

Lại, A-tố-lạc kia ngạo mạn, tự cho là trời, thường khởi binh đánh nhau với chư. Trời Đế thích vì ngăn dứt, khéo an ủi để cho vui, nói hợp thời xứ, nếu không thật cũng không có lỗi. Oai đức thù thắng cũng chẳng phải nhân chứng.

Nghe vua Mạn-đà-la vì oai đức vượt hơn trời, Nan-đà, Bạt-nan-đà v.v... dù bằng sinh, nhưng oai đức tự tại, vượt hơn chúng chư thiên, nên A-tố-lạc chỉ gồm nhiếp đường quý, cũng chẳng phải thứ sáu, vì không hề nói, nhưng không nói là thuộc về đường ác, nghĩa là sợ A-tố-lạc kia khởi tâm độc ác đối với Phật. Do đây, phải cam chịu các nỗi khổ dữ dội suốt đêm dài sinh tử.

Lại, do lời giáo huấn, ngăn dứt thuộc về trời kia, Tố lạc gọi là trời, là nghĩa tự tại.

A nghĩa là chẳng phải, là nói phi thiên kia, tự tại thua kém trời, gọi A-tố-lạc. Lại, A-tố-lạc, nghĩa là rất khả ái. Trời rất khả ái, được tên là Tố lạc. Mặc dù A-tố-lạc kia cũng phần nhiều thọ hưởng các điều vui sướng, nhưng do nhiều cong vạy, dua nịnh, nên chẳng phải rất đáng yêu.

Có thuyết nói: Các đường hoặc thể xen lẫn nhau, đường khác, vì nhân nhau mà sinh con, như người mình cá, người tiên, con của nai. Từ xưa, nghe nói loại ấy nhiều vô lượng, vì một thân hai đường, nên có xen lẫn nhau.

Thuyết kia không đúng. Giới nghiệp của mình nhất định mà vì

duyên sinh kia có nhiều thứ, nên thấy trong phi tình có hữu tình sinh.

Há một thân kia thuộc về tình, phi tình, như Am-la nữ nhân cây mà sinh. Kiều-đáp-ma Tông nhân ánh sáng mặt trời khởi, nên nhân nhau có, chẳng phải chứng nhân xen lẫn.

Theo truyền thuyết hóa sinh có nhân tạng thai.

Đã nhân thai tạng, sao nói là hóa sinh? Luận thuyết thế tục nhiều giả dối, không nên nương tựa, tin tưởng. Hoặc khác mà nương gá nhau, về lý cũng không trái, người tiên, con của nai, người mình cá v.v... do mẫn nghiệp khác, hình tướng không đồng, thật ra là người, nên đường không có xen lẫn tự chiêu cảm khác, nhân quả không đồng, trong tư duy lựa chọn nghiệp, sẽ phân biệt rộng.

